

Bản án số: **331/2022/HS-PT**

Ngày: 16-8-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Tào**

Các Thẩm phán: Ông **Lê Phước Thanh**

Ông **Mai Xuân Thành**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Minh Hoàng**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Tấn Ánh** - Kiểm sát viên.

Vào ngày 16 tháng 8 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa để xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 284/2022/TLPT-HS ngày 08 tháng 7 năm 2022 đối với bị cáo Lê Văn T về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Do có kháng cáo của bị cáo, bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 45/2022/HSST ngày 19/5/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

Bị cáo có kháng cáo

Lê Văn T, sinh năm 1976 tại Khánh Hòa; nơi cư trú: tỉnh Khánh Hòa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; học vấn: 12/12; con ông: Lê Văn K (chết) và bà: Bùi Thị Bích H (1939); Vợ: Võ Thị Kim L (đã ly hôn); Tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 04/5/2021 đến ngày 15/6/2021 bị cáo được thay đổi biện pháp ngăn chặn bảo lãnh. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Văn T: Luật sư Phan Thị Ngọc H - Công ty Luật TNHH MTV V và Cộng sự, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

Bị hại: ông Nguyễn Thanh H - sinh năm 1964; địa chỉ: tỉnh Khánh Hòa. Vắng (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong thời gian quen biết với Đặng Thị Diễm M, Lê Văn T nói cho M biết hiện T có một số suất ngoại giao mua đất tại gói 6 và gói 8 khu đô thị M, N do Công ty cổ phần và đầu tư phát triển nhà V làm chủ đầu tư, nếu có ai mua thì giới thiệu cho T. Sau đó M nói lại nội dung này cho ông Nguyễn Thanh H nghe.

Do cần mua đất tại dự án trên nên ông H hẹn gặp M và T để nói chuyện. Khi gặp, T nói cho ông H biết T có suất ngoại giao mua đất tại gói 6 và gói 8 khu đô thị M, N do Công ty cổ phần và đầu tư phát triển nhà V làm chủ đầu tư nếu có mua thì đưa tiền để T đặt cọc lấy các lô đất. Sau khi có biên lai xác nhận từ Công ty cổ phần và đầu tư phát triển nhà V về việc đã nhận được số tiền đặt cọc của các lô đất trên, T có trách nhiệm, đưa biên lai xác nhận các lô đất đã đặt cọc cho ông H và nhận tiền thù lao 20.000.000 đồng/01 lô từ ông H.

Tin vào lời T nói, ngày 10/3/2018 tại nhà T tại thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, ông H đã đưa tiền cho T để T đến Công ty cổ phần và đầu tư phát triển nhà V đặt cọc giữ chỗ tổng cộng 20 lô đất của gói 6 với giá 20.000.000 đồng/1 lô x 20 lô = 400.000.000 đồng.

Sau khi nhận tiền từ ông H, T không thực hiện, như cam kết mà tiếp tục: hỏi với ông H mặt bằng gói 6 chưa hoàn thiện, nay gói 8 đã hoàn thiện mặt bằng nên chuyển sang đặt cọc mua lô đất thuộc gói 8 với giá đặt cọc 50.000.000đồng/01 lô. Tin vào lời nói của T, ngày 19/3/2018 tại số 10 đường M, tổ dân phố T, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, ông H đưa tiền cho T nhận để đặt cọc giữ chỗ tổng cộng 14 lô đất của gói 8 với giá đặt cọc 50.000.000 đồng/01 lô X 14 = 700.000.000 đồng gồm các lô 15, 16, 26, 27, 28, 37, 38 thuộc lôc 4; các lô số 34, 35, 36, 37, 38, 39, 40 thuộc lôc 5 của dự án. Do trước đó ông H đã đưa cho T nhận 400.000.000 đồng, để đặt Cọc 20 lô đất thuộc gói 6 nhưng T không thực hiện, nên ông H đưa thêm cho T 300.000.000 đồng để đủ số tiền đặt cọc 14 lô đất của gói 8.

Tiếp đó T nói với ông H mặt bằng gói 6 đã hoàn thiện, nếu có đặt cọc mua đất thì đặt cọc với giá 50.000.000 đồng/01 lô. Vì tin tưởng T, ngày 23/3/2018 tại số 10 đường M, tổ dân phố T, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, ông H tiếp tục đưa tiền cho T nhận để đặt cọc giữ chỗ tổng cộng 30 lô đất của gói 6 với giá đặt cọc 50.000.000 đồng/01 lô X 30 = 1.500.000.000 đồng gồm các lô từ số 01 đến số 24 thuộc lôc 1; các lô từ số 27 đến Số 32 thuộc lôc 2 của dự án.

Sau khi nhận tổng cộng số tiền 2.200.000.000 đồng, T liên tục hẹn với ông H về việc giao giấy xác nhận đặt cọc các lô đất nói trên. Đến ngày 17/5/2019 T viết giấy hẹn đến ngày 25/5/2019 sẽ có giấy đặt cọc các lô đất nói trên và sẽ bàn giao cho ông H. Nhưng sau đó T không bàn giao giấy xác nhận đặt cọc các lô đất trên cho ông H mà tiếp tục viết giấy hẹn đến ngày 19/01/2020 hẹn trả lại toàn bộ số tiền đã nhận lại cho ông H vào ngày 31/3/2020. Từ sau khi

viết giấy hẹn cho đến nay, T vẫn không thực hiện bàn giao giấy đặt cọc giữ chỗ các lô đất trên cho ông H.

Tại Bản kết luận giám định số, 17/GP-GT/2021 ngày 24/3/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Khánh Hòa kết luận: Chữ ký, chữ viết mang tên Lê Văn T trong các loại tài liệu gửi giám định đều do một người ký và viết ra.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo T khai nhận các thông tin về có một số suất ngoại giao mua đất tại gói 6 và gói 8 khu đô thị M, N do Công ty Cổ phần và đầu tư phát triển nhà V làm chủ đầu tư là do bà Nguyễn Thị P cung cấp. Giữa bị cáo T và bà P có thỏa thuận về việc giao dịch đặt cọc giữ chỗ để mua các lô đất và T cũng đã đưa tiền cho bà P. Tuy nhiên, T giấu thông tin về việc thỏa thuận cũng như việc giao nhận tiền giữa T và bà P mà không nói cụ thể cho ông H biết. Bị cáo T khai nhận đã đưa cho bà P số tiền 1.900.000.000 đồng, số tiền còn lại 300.000.000 đồng T dùng vào mục đích tiêu xài cho cá nhân.

Quá trình điều tra, T đã giao nộp hai tờ giấy xác nhận và khẳng định bà P có nhận tiền để lo việc cho T; chữ viết, chữ ký trong hai tờ giấy xác nhận chính là do bà P viết, ký. Ngày 26/02/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Khánh Hòa ra Quyết định trưng cầu giám định số 26/QĐ-VPCQCSĐT trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Khánh Hòa giám định chữ viết, chữ ký trên “giấy nhận tiền” có phải chữ viết và chữ ký của bà Nguyễn Thị P không.

Tại bản kết luận giám định số 17/GP-GT/2021 ngày 24/3/2021 của Phòng kỹ thuật hình, sự Công an tỉnh Khánh Hòa kết luận: Chữ viết, chữ ký trên tài liệu “giấy nhận tiền” so sánh mẫu chữ viết mang tên “Nguyễn Thị P” trên các tài liệu mẫu so sánh không phải do cùng một người viết ra.

Ngoài ra T cung cấp cho Cơ quan điều tra một số tờ giấy A4 bản in photo thể hiện tin nhắn mà T cho rằng chính T đã trao đổi với bà Nguyễn Thị P có tài khoản Zalo được lưu là “P N” về việc trao đổi làm ăn với bà P trong đó có việc nhờ bà P đặt cọc các lô tại gói 6 và gói 8 khu đô thị M mà T đã đưa tiền cho bà P lo lấy các lô đất giao cho anh H. Nhưng Cơ quan điều tra yêu cầu T cung cấp tài khoản Zalo cùng điện thoại mà T sử dụng có các tin nhắn trên để phục vụ cho công tác điều tra, làm rõ thì T cho rằng điện thoại sử dụng chứa đựng các thông tin trên đã bị hỏng không có để giao nộp cho Cơ quan điều tra.

Qua xác minh tại địa phương xác định bà Nguyễn Thị P có hộ khẩu tại Tổ 19, thôn Đất Lành, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, nhưng đã bỏ nhà và địa phương đi từ lâu, hiện tại không xác định nơi ở của bà P. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Khánh Hòa ra Thông báo truy tìm số 1100/VPCQCSĐT ngày 25/11/2021 về việc phối hợp truy tìm đối tượng Nguyễn Thị P.

Qua thu thập tài liệu từ Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa xác định dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đô thị M đã được UBND tỉnh Khánh Hòa cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho Công ty cổ phần phát triển Đô thị V làm chủ đầu tư.

Qua thu thập tài liệu từ Sở Xây dựng tỉnh Khánh Hòa xác định gói 6 và gói 8 Khu đô thị M do Công ty cổ phần Phát triển Đô thị V làm chủ đầu tư. Hiện tại gói 6 và gói 8 Khu đô thị M chủ đầu tư chưa có văn bản đề nghị đưa bất động sản vào kinh doanh.

Qua thu thập tài liệu từ Công ty cổ phần Phát triển Đô thị V xác định gói 6 và gói 8 Khu đô thị M do Công ty cổ phần phát triển Đô thị V làm chủ đầu tư. Đồng thời xác định từ trước đến nay ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị P chưa lần nào đến Công ty để đặt cọc mua đất; các lô đất thuộc gói 6 và gói 8 nêu trên đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty và chưa được thực hiện giao dịch, chuyển nhượng với lý do hai gói 6 và gói 8 thuộc diện bán nhà và đất hình thành trong tương lai.

Biện pháp cưỡng chế; Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Khánh Hòa đã ra Lệnh phong tỏa tài khoản số 140/QĐ-VPCQCSĐT ngày 17/11/2021, phong tỏa số tiền trong tài khoản 19135672272010 tại Ngân hàng thương mại cổ phần T Việt Nam (T) của Lê Văn T và Lệnh phong tỏa tài khoản số 141/QĐ-VPCQCSĐT ngày 17/11/2021, phong tỏa số tiền trong tài khoản 711A13087822 tại Ngân hàng, thương mại cổ phần V Việt Nam (V) của Lê Văn T.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 45/2022/HS-ST ngày 19/5/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã quyết định:

Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn T 12 (mười hai) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, nhưng trừ thời gian tạm giam từ ngày 04/5/2021 đến ngày 14/6/2021.

Ngoài ra bản án còn quyết định về phân trách nhiệm dân sự, biện pháp cưỡng chế, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 01/6/2022 bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt

Ngày 26/5/2022 bị hại Nguyễn Thanh H kháng cáo yêu cầu xử tăng hình phạt đối với bị cáo T.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và bị hại; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận; Hội đồng xét xử thấy đủ cơ sở kết luận:

Để có tiền tiêu xài cá nhân, Lê Văn T đã có hành vi gian dối, đưa ra thông tin không có thật về việc bị cáo có suất ngoại giao mua đất tại gói 6 và gói 8 khu đô thị M, N do Công ty cổ phần và đầu tư phát triển nhà V làm chủ đầu tư, làm ông Nguyễn Thanh H tin tưởng nên đã nhiều lần giao tiền đặt cọc giữ chỗ mua

đất cho bị cáo. Tổng cộng số tiền bị cáo T chiếm đoạt của ông H là 2.200.000.000 đồng.

Với hành vi và hậu quả nêu trên, án sơ thẩm tuyên bố bị cáo Lê Văn T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[1]. Xét kháng cáo của bị cáo Lê Văn T và bị hại Nguyễn Thanh H; nhận thấy:

Án sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo; hậu quả thiệt hại đã xảy ra. Đồng thời xem xét đầy đủ tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự (phạm tội nhiều lần) và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, như: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã khắc phục một phần thiệt hại cho bị hại với số tiền 440.000.000 đồng và nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự nên xử phạt bị cáo mức án 12 năm tù là phù hợp, không nặng, không nhẹ.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo và của bị hại; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2]. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[3]. Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Lê Văn T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Văn T và của bị hại Nguyễn Thanh H; y án sơ thẩm.

Tuyên bố bị cáo Lê Văn T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn T 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, nhưng trừ thời gian tạm giam từ ngày 04/5/2021 đến ngày 14/6/2021.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật và được thi hành theo Bản án hình sự sơ thẩm số 45/2022/HS-ST ngày 19/5/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

3. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Lê Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Cơ quan CSĐT-Công an tỉnh Khánh Hòa;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Khánh Hòa;
- Cơ quan CSTHAHS - Công an tỉnh Khánh Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- Cục THADS tỉnh Khánh Hòa;
- Bị cáo;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Khánh Hòa;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tào